

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/10/2019

*“Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung và bà Vũ Thị Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mừng – Cán bộ Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02/10/2019, tại Trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn TC, xã ĐL, huyện LN, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

(Chị D có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương ngày 04/11/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung nhà với bố đẻ anh H tại xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Anh H không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con mà thường xuyên tụ tập bạn bè để chơi cờ bạc, rượu chè dẫn đến nợ nần, bản thân chị đã nhiều lần phải mang tiền của gia đình để trả nợ thay cho anh H; chị đã khuyên giải và cho anh H cơ hội, thời gian để anh H sửa đổi bản thân, sống có

trách nhiệm với gia đình hơn nhưng anh H vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng; vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau. Chị đưa con về sống với bố mẹ đẻ tại huyện LN, tỉnh Hà Nam từ tháng 11/2018, vợ chồng sống ly thân hoàn toàn từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị HĐXX xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Huy.

Chị và anh H có một con chung là Nguyễn Huy N, sinh ngày 11/3/2012, hiện cháu N đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, chị cam kết đảm bảo nuôi con một cách tốt nhất.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn- anh Nguyễn Văn H trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị D trình bày là đúng.

Anh thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Bản thân anh chưa làm tròn trách nhiệm với chị D và gia đình, vẫn còn mãi chơi dấn đến có những điều không hay, đáng tiếc xảy ra. Anh cũng nhận thức được và đã xin lỗi chị D, anh cũng tích cực tìm biện pháp để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn cuộc sống chung nhưng không thành, chị D đưa con về sống với bố mẹ đẻ tại huyện LN, tỉnh Hà Nam từ tháng 11/2018, thời gian đầu anh có đến tìm nhưng chị D không về nên anh không tìm nữa; từ khi sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau.

Chị D xin ly hôn, anh không nhất trí. Anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, xây dựng cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, đến nay anh cũng không đề xuất được biện pháp hiệu quả để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Trường hợp chị D kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh và chị D có 1 con chung là Nguyễn Huy N, sinh ngày 11/3/2012, hiện cháu N đang ở với chị D. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, thư ký tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS; chị D chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh H vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn

Văn H.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Huy N, sinh ngày 11/3/2012 (hiện cháu N đang ở với chị D).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung

- Về quan hệ tài sản: Chị D, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương ngày 04/11/2011, là hôn nhân hợp pháp.

Chị D và anh H đều thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm; bản thân anh H sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ, con... Vợ chồng không duy trì cuộc sống chung, không quan tâm đến nhau từ tháng 11/2018 đến nay. Chị D xin ly hôn, anh H bày tỏ quan điểm không nhất trí, muốn vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên bản thân anh H cũng xác định anh không có biện pháp gì hữu hiệu để hàn gắn quan hệ vợ chồng, hơn nữa trong suốt quá trình Tòa án tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, anh H vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được đồng thời thông qua đó cũng chứng tỏ mong muốn đoàn tụ của anh không thực sự quyết liệt.

Xét mâu thuẫn giữa chị D, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị D ly hôn anh H là phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D, anh H có một con chung là Nguyễn Huy N, sinh ngày 11/3/2012, hiện cháu N đang ở với chị D. Chị D có nguyện vọng được nuôi con chung, anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Hiện nay cháu N đang ở ổn định với chị D, sức khỏe, trí tuệ, các điều kiện khác của cháu đều được bảo đảm; bản thân chị D có việc làm, thu nhập, nơi ở ổn định. Cháu N có lời khai trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ. Chị D tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, chị

cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung khi vợ chồng ly hôn nên giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị D, anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: chị D khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2 - Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Huy N, sinh ngày 11/3/2012 (hiện cháu N đang ở với chị D).

Công nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005382 ngày 08/7/2019.

4- Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã TH, huyện Bình Giang,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quyên